TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ - ST
Ngày 30-10-2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Luân.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2019/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phan Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn C trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 18-10-2000 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại nhà bố mẹ đẻ anh C ở thôn S, xã T, huyện K đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên uống rượu rồi chửi bới, đánh đập vợ, con; ngoài ra anh C nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau. Cuối tháng 3-2018 anh C đánh và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn S, xã T, huyện K sinh sống, vợ chồng li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và thời gian vợ chồng sống li thân đúng như chị H đã trình bày. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị H vẫn còn, vì vậy anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dậy con chung.

Về con chung: Chị H và anh C thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung tên là Nguyễn Thị Thủy N, sinh ngày 16-7-2001 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 03-7-2003. Hiện nay cháu N đã trưởng thành, lao động tự lập nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu K hiện nay đang ở với chị H. Quan điểm của chị H xin được nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của anh C cũng xin được nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu chị H góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh là 2.000.000 đồng/1 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về con riêng: Chị H và anh C thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H, anh C thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; riêng anh C chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1

Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Nguyễn Văn C. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 03-7-2003 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được; anh C không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị H và anh Nguyễn Văn C là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 18-10-2000 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C thường xuyên uống rượu rồi chửi bới, đánh đập vợ, con; bên cạnh đó anh C còn hay nghi ngờ chị H trong quan hệ tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh C; còn anh C mặc dù không đồng ý ly hôn chị H nhưng anh cũng xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng và đã li thân nhau từ tháng 3-2018 đến nay, bản thân anh không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo xác minh tại địa phương, chị H và anh C mâu thuẫn do nguyên nhân anh C thường xuyên uống rượu say rồi chửi bới, đánh đập vợ, con và vô cớ nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên xô xát đánh, cãi, chửi nhau. Từ khoảng cuối tháng 3 năm 2018 chị H đã về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn S, xã T, anh chị ly thân nhau từ đó không quan tâm tới nhau nữa. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được chính quyền, đoàn thể địa phương và gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị H được ly hôn anh C là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị H và anh C có hai con chung tên là Nguyễn Thị Thủy N, sinh ngày 16-7- 2001 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 03-7-2003. Hiện nay cháu N đã trưởng thành, lao động tự lập được, anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu K chưa thành niên nhưng anh chị không thống nhất được người nuôi dưỡng và đều xin nuôi cháu. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét thấy từ khi anh chị li thân nhau đến nay cháu K đều ở cùng với chị H và được chị H nuôi dưỡng, chăm sóc ăn ở, học hành ổn định hiện; hơn nữa nguyện vọng của cháu K tha thiết xin được ở với chị H; ngoài ra hiện nay anh C không có nghề nghiệp gì để thu nhập, bản thân chị H đang làm công nhân tại Công ty TNHH VINA thuộc Khu công nghiệp C, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có thu nhập ổn định, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu K, anh C không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị H và anh C cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 03-7-2003 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Anh C không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K.

3. Án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001606 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo